

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2024/HS-PT**
Ngày 22 tháng 02 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Tiến D

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Anh

Ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa:
Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 2 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 134/2023/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2023 do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh D đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Anh D**, sinh ngày: 20 tháng 10 năm 1968, tại thành phố P Y, tỉnh Thái Nguyên; HKTT: Tổ dân phố X L 2, phường X Đ, quận B T L, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Tổ dân phố T S, số nhà X, Tòa C, phường X Đ, quận B T L, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Viên chức; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái: Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt Đảng ngày 19/01/2023; Con ông: Nguyễn Hữu T, sinh năm 1930 (đã chết) và bà: Ngô Thị M sinh năm 1937; Vợ: Hà Thị H, sinh năm 1968; Con: có 02 con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 11/01/2023 đến ngày 05/5/2023 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam. Hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường X Đ, quận B T L, thành phố Hà Nội. *(Có mặt)*

Bị hại: Trung tâm khoa học lâm nghiệp vùng trung tâm B

Địa chỉ: Xã C M, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1973- Phó giám đốc phụ trách. *(Có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đào Hùng M, sinh năm 1991

Nơi cư trú: Thôn B H, xã T S, huyện T L, tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Khu X, Xã C M, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ

2. Chị Dương Thị Minh H, sinh năm 1995

Nơi cư trú: Khu X, xã T S, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ

3. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994

Nơi cư trú: Khu X, xã T D, huyện P N, tỉnh Phú Thọ

4. Anh Lê Hùng T, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Khu X, xã H C, huyện T B, tỉnh Phú Thọ

5. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1983

Nơi cư trú: Khu X, Xã C M, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ

6. Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Khu X, Xã C M, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ

7. Trần Quang T, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Khu X, Xã C M, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ

(Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trung tâm khoa học lâm nghiệp vùng trung tâm B là tổ chức sự nghiệp khoa học công lập trực thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trụ sở đóng trên địa bàn Xã C M, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ (trong vụ án này gọi tắt là Trung tâm khoa học). Chức năng, nhiệm vụ chính của Trung tâm khoa học là nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, hợp tác quốc tế, tư vấn và tham gia đào tạo về lĩnh vực lâm nghiệp vùng Trung tâm Bắc bộ. Nguyễn Anh D sinh năm 1968 được bổ nhiệm và giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm khoa học từ tháng 12/2012 đến tháng 3/2022.

Năm 2016, Trung tâm khoa học lập dự án “Phát triển giống một số loài tre và cây gỗ lớn mọc nhanh phục vụ trồng rừng tại các tỉnh vùng Đông Bắc giai đoạn 2016 - 2020” và đã được Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 4422/QĐ-BNN-TCLN ngày 28/10/2016, (trong vụ án này gọi tắt là dự án). Tổng mức đầu tư cho dự án được phê duyệt là 26.000.000.000 đồng từ nguồn vốn ngân sách nhà nước. Theo Quyết định số 36/QĐ-TTBB ngày 09/4/2017 về việc thành lập ban quản lý Dự án và quyết định số 13/QĐ-TTBB ngày 25/02/2019 về việc bổ sung, thay thế thành viên Ban quản lý Dự án, Nguyễn Anh D là Giám đốc Trung tâm khoa học được phân công làm Trưởng ban quản lý dự án và một số cán bộ khác của Trung tâm là thành viên của dự án. Từ năm 2016 đến năm 2019, trên cơ sở nguồn vốn được cấp cho dự án, Trung tâm đã hoàn thành các nội dung công việc theo đúng kế hoạch đã được phê duyệt. Năm 2020, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phê duyệt dự toán kinh phí cấp cho Trung tâm khoa học số tiền 1.268.000.000 đồng để tiếp tục thực hiện chương trình giống dự án nêu trên. Trong số 1.268.000.000 đồng có 127.000.000 đồng là khoản tiền dự toán chi thuê xe ô tô đi lại để thực hiện công việc nộp hồ sơ rừng giống chuyển hoá, kiểm tra hiện trường và thẩm định rừng giống chuyển hoá cây “trội” tại Lào Cai, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Hà Giang, Phú Thọ, Bắc Kạn và Yên Bái.

Trong năm 2020, Nguyễn Anh D cùng một số cán bộ Trung tâm khoa học là thành viên Ban quản lý dự án có đi kiểm tra hiện trường và thẩm định rừng giống chuyển hoá ở các tỉnh Hà Giang, Yên Bái, Lào Cai, Lạng Sơn, Bắc Kạn.... Quá trình đi công tác, Nguyễn Anh D có sử dụng xe ô tô của Trung tâm

khoa học biển số 19M-001.05 và có những lần D thuê xe ô tô bên ngoài, việc thuê xe do D quyết định. Cụ thể: D có thuê xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO loại 05 chỗ ngồi, biển số 19N-5295 của ông Lê Đức T sinh năm 1962 ở Khu X, Xã C M và xe ô tô nhãn hiệu DAEWOO; loại 05 chỗ ngồi, biển số 19A-324.67 của ông Nguyễn Vũ D, sinh năm 1967 ở Khu X, Xã C M. Do thời gian đã lâu nên D không nhớ cụ thể số lần thuê xe đi công tác mà chỉ nhớ đã thanh toán cho Ông T tổng số tiền thuê xe là 5.000.000 đồng, thanh toán cho ông D tổng số tiền thuê xe là 7.000.000 đồng. Ông T và ông D đều là hộ kinh doanh không sử dụng hóa đơn do cơ quan thuế phát hành nên sau khi thuê xe, D đã ứng tiền cá nhân để trả cho Ông T và ông D. Ngoài ra, quá trình D sử dụng xe ô tô của Trung tâm khoa học đi kiểm tra việc thực hiện dự án, anh Nguyễn Văn T sinh năm 1983 là lái xe đã ứng tiền cá nhân 5.000.000 đồng để đổ dầu. Khi ứng tiền, anh T đã báo cáo D và được D đồng ý. Đến tháng 12/2020, D chỉ đạo cán bộ Trung tâm khoa học thanh quyết toán khoản kinh phí được cấp cho dự án trong đó có khoản tiền dự toán thuê xe 127.000.000 đồng. Mặc dù bản thân D biết tiền thuê xe không đến 127.000.000 đồng nhưng do cần tiền chi tiêu cá nhân, ngoài ra còn có những khoản chi trong quá trình thực hiện dự án nhưng trong dự toán không có mà phải chi thật nên D nảy sinh ý định mua hóa đơn ghi nội dung thuê xe để rút khoản tiền 127.000.000 đồng mục đích sử dụng chi trả các khoản tiền thực tế đã chi không có hóa đơn, số còn lại D có mục đích chiếm đoạt.

Thực hiện ý định trên, D chỉ đạo anh Đào Hùng M sinh năm 1992 là Trưởng bộ môn kỹ thuật lâm sinh của Trung tâm khoa học mua hóa đơn làm chứng từ thanh toán cho Trung tâm khoa học. Trong quá trình thực hiện dự án, anh M nhiều lần tham gia đi công tác cùng D bằng xe ô tô đi thuê nên nghĩ D bảo lấy hóa đơn để thanh toán tiền thuê xe vì thực tế xe đi thuê không có hóa đơn làm chứng từ thanh toán mà cần lấy hóa đơn quyết toán nên anh M đồng ý. Do anh M cũng không biết đơn vị nào có hóa đơn nên đã nhờ chị Dương Thị Minh H sinh năm 1995 là cán bộ Trung tâm khoa học hỏi tìm đơn vị có thể xuất hóa đơn cho thuê xe. Chị H nghĩ việc mua hóa đơn với nội dung thuê xe cho Trung tâm khoa học mục đích để thanh quyết toán các khoản tiền thuê xe đi công tác nên đồng ý. Chị H quen biết hộ kinh doanh Lê Hùng T ở xã N Q, huyện Đ H nên đã gọi điện thoại cho T hỏi mua hóa đơn dịch vụ cho thuê xe. Anh T đồng ý. Sau đó Chị H nói lại với anh M thì anh M nói lại ý kiến chỉ đạo của D ghi trên hóa đơn số tiền thuê xe là 127.000.000 đồng. Chị H liên lạc với T cung cấp thông tin ghi trên hóa đơn và số tiền cần ghi trên hóa đơn là 127.000.000 đồng. Sau đó T sử dụng hóa đơn bán hàng do cơ quan thuế phát hành ghi nội dung theo như Chị H cung cấp và đưa lại cho Chị H. Tờ hóa đơn này số 0096342 ngày 27/12/2020 với số tiền ghi trên hóa đơn là 127.000.000 đồng. Chị H nhận tờ hóa đơn và mang về Trung tâm khoa học đưa cho anh M. Anh M không xem mà đưa lại luôn cho Nguyễn Anh D. D chỉ đạo M đưa hóa đơn này cùng toàn bộ hồ sơ thanh toán cho kế toán của Trung tâm khoa học là chị Nguyễn Thị T để làm thủ tục thanh quyết toán. Sau khi đưa lại cho chị T, anh M và Chị H không biết thủ tục thanh quyết toán số tiền 127.000.000 đồng thực hiện như thế nào. Chị T nhận hồ sơ thanh toán thấy đầy đủ chứng từ nên ngày 13/01/2021 đã làm thủ tục thanh toán khoản tiền thuê xe 127.000.000

đồng của dự án. Chị T thực hiện thao tác chuyển lệnh thanh toán qua điện tử cho Nguyễn Anh D để D ký duyệt trên chứng từ số 039-DAG/210113-1053106-1265002 gửi đến Kho bạc nhà nước huyện Đ H để thực hiện lệnh chuyển số tiền 127.000.000 đồng từ tài khoản 9527.1.1053106 của Trung tâm đến tài khoản 2710205128206 của Lê Hùng T mở tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Đ H. Đến ngày 15/01/2021 chứng từ trên được Kho bạc nhà nước huyện Đ H duyệt chi. Cùng ngày Lê Hùng T nhận được tiền trong tài khoản nên đã gọi chị Dương Thị Minh H đến nhận tiền. Khi trả lại tiền, T nói với Chị H phải trừ đi tiền thuế là 15.240.000 đồng. Số tiền T đưa Chị H sau khi trừ đi tiền thuế là 111.760.000 đồng. Chị H mang số tiền này về phòng làm việc của anh M tại Trung tâm khoa học đưa cho anh M và nói với anh M đây là tiền thuê xe, trừ đi tiền thuế còn lại 111.760.000 đồng. Anh M vừa cầm tiền thì D đi vào phòng làm việc nên anh M đưa lại luôn toàn bộ gói tiền cho D và nói đây là 111.760.000 đồng tiền thuê xe hôm trước còn lại. D hiểu là khoản quyết toán 127.000.000 đồng tiền thuê xe trong dự án nên cầm luôn đi về phòng làm việc và không nói gì. Khi về đến phòng, D kiểm tra lại và thấy đủ số tiền 111.760.000 đồng. Khoảng 3 ngày sau, D lấy từ số tiền này ra 5.000.000 đồng đưa cho anh M bảo đưa lại cho anh T là lái xe tiền xăng dầu đi công tác. Anh M đã đưa lại số tiền này cho anh T.

Ngoài ra, thời điểm cuối năm 2020, D kiểm tra trong dự án thấy có nội dung phải thực hiện đó là đề nghị cấp có thẩm quyền công nhận nguồn giống cây lâm nghiệp đối với cây Re gừng (địa điểm nguồn giống ở xã V Đ, huyện Đ H) và cây Sồi phẳng (địa điểm nguồn giống ở xã L T, huyện T Y, tỉnh Yên Bái) trước khi đưa vào sử dụng. Để được công nhận giống cây lâm nghiệp sẽ phải nộp hồ sơ và nộp lệ phí thẩm định nhưng khi đối chiếu với dự toán ngân sách cấp năm 2020 cho dự án thì phát hiện không đưa khoản chi này vào dự toán. Do đã làm và nắm được mức chi phí thẩm định là 7.500.000đ/ bộ hồ sơ nhưng lúc này không thể đề nghị bổ sung dự toán nên D đã lấy ra 15.000.000 đồng từ số tiền đã quyết toán thuê xe của dự án để sẵn phục vụ cho chi phí đề nghị công nhận nguồn giống cây lâm nghiệp, (vì cây giống được trồng trên 02 địa bàn là Phú Thọ và Yên Bái nên phải có 02 bộ hồ sơ thẩm định). Thời điểm này bùng phát dịch bệnh Covid nên đến cuối năm 2021 D mới chỉ đạo anh Trần Quang T sinh năm 1968 và chị Trần Thị Ánh N sinh năm 1985 là cán bộ Trung tâm khoa học mang hồ sơ công nhận nguồn giống cây Re gừng đến nộp tại UBND tỉnh Phú Thọ và hồ sơ công nhận nguồn giống cây Sồi phẳng đến nộp tại UBND tỉnh Yên Bái. D đưa cho anh T và chị N mỗi người 7.500.000 đồng để nộp chi phí thẩm định. Chị N đã nộp hồ sơ và chi phí thẩm định 7.500.000 đồng tại Trung tâm hành chính công tỉnh Phú Thọ thể hiện tại biên lai số 000.00.15.H44-211028-0002 do Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ cấp ngày 28/10/2021. Đến ngày 17/11/2021, Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Phú Thọ đã ban hành quyết định số 746/QĐ-SNN về việc công nhận nguồn giống trồng cây lâm nghiệp. Anh T đã nộp hồ sơ và chi phí thẩm định 7.500.000 đồng tại Trung tâm hành chính công tỉnh Yên Bái thể hiện tại biên lai số 0006304 ngày 01/12/2021 của Trung tâm hành chính công tỉnh Yên Bái. Đến ngày 01/12/2021 Sở Nông nghiệp và phát

triển nông thôn tỉnh Yên Bái đã ban hành quyết định số 248/QĐ-SNN về việc công nhận nguồn giống trồng cây lâm nghiệp.

Như vậy, trong tổng số dự toán 127.000.000 đồng tiền ngân sách nhà nước cấp cho mục thuê xe trong dự án “Phát triển giống một số loài tre và cây gỗ lớn mọc nhanh phục vụ trồng rừng tại các tỉnh vùng Đông Bắc giai đoạn 2016 - 2020”, Nguyễn Anh D đã chỉ đạo cán bộ Trung tâm mua hóa đơn để quyết toán khoản tiền này. Sau khi rút được 127.000.000 đồng, D nhận lại 111.760.000 đồng và đã chi tiền thuê xe, tiền đổ dầu xe ô tô của Trung tâm khoa học để đi thực hiện dự án với tổng số tiền là 17.000.000 đồng; chi 15.000.000 đồng tiền thẩm định công nhận nguồn giống trồng cây lâm nghiệp của dự án. Còn lại đã chiếm đoạt 79.760.000 đồng để chi tiêu cá nhân. Đối với số tiền 15.240.000 đồng mà T đã thu, T nộp thuế hết 5.157.000 đồng, còn lại thu lợi bất chính 10.083.000 đồng. Sau khi bị khởi tố về tội: Mua bán trái phép hóa đơn, T đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính này.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 50/2023/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 353, điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Anh D phạm tội “Tham ô tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 30 tháng tù được trừ thời gian tạm giam 03 tháng 24 ngày (từ ngày 11/01/2023 đến ngày 05/5/2023). Bị cáo còn phải chấp hành 26 (hai sáu) tháng 06 (sáu) ngày tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Anh D.

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm b khoản 1 Điều 47; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Anh D phải nộp 79.760.000 đồng (Bảy mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) vào ngân sách nhà nước. *(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/6/2023);*

Bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/9/2023, bị cáo Nguyễn Anh D có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2023/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ khoản 1 Điều 353, điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh D phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05(Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh D trong hạn luật định, đơn hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Anh D đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật của mình. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo, trong quá trình điều tra, truy tố phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Từ tháng 12/2012 đến tháng 03/2022, Nguyễn Anh D là Giám đốc Trung tâm khoa học lâm nghiệp vùng trung tâm B có trụ sở đóng trên địa bàn Xã C M, huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ. Năm 2016, D kiêm nhiệm làm Trưởng ban quản lý dự án “*Phát triển giống một số loài tre và cây gỗ lớn mọc nhanh phục vụ trồng rừng tại các tỉnh Đông Bắc giai đoạn 2016-2020*”. Lợi dụng chức vụ quyền hạn của mình, D đã chỉ đạo anh Đào Hùng M là cán bộ Trung tâm khoa học mua 01 tờ hóa đơn ghi nội dung thuê xe ô tô với số tiền 127.000.000 đồng để thanh quyết toán khoản tiền được ngân sách nhà nước cấp cho dự án. Ngày 15/01/2021, sau khi rút được số tiền này, D đã chiếm đoạt 79.760.000 đồng để chi tiêu cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Anh D đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo là người có chức vụ, quyền hạn, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức rõ hành vi của mình thực hiện vi phạm pháp luật. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn trong lĩnh vực quản lý tài sản nhà nước và hoạt động quản lý tài chính của cơ quan đơn vị. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp nghiêm trọng.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Trung tâm khoa học lâm nghiệp vùng trung tâm B tham gia tố tụng với tư cách là bị hại trong vụ án để trả lại số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt là vi phạm thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 62 Bộ luật TTHS nhưng tại cấp phúc thẩm, Trung tâm khoa học lâm nghiệp vùng

trung tâm B có đơn nhất trí được tham gia tổ tụng tại cấp phúc thẩm và đề nghị bị cáo trả lại số tiền chiếm đoạt cho đơn vị nên cấp phúc thẩm đã khắc phục được vi phạm trên nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà cần sửa bản án để trả lại số tiền 79.760.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt cho Trung tâm khoa học lâm nghiệp là phù hợp.

Bị cáo Nguyễn Anh D không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS và được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ theo điểm b,s,v khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là: Tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có thành tích xuất sắc trong công tác và được tặng thưởng nhiều Bằng khen, giấy khen. Bị cáo còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là: Bố mẹ đẻ bị cáo là người có công với cách mạng được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo để xử phạt bị cáo 30 tháng tù là phù hợp với pháp luật.

Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, Trung tâm khoa học lâm nghiệp vùng trung tâm B là bị hại trong vụ án có văn bản xin cho bị cáo được hưởng án treo để tiếp tục công tác và cống hiến cho ngành, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS nên cấp phúc thẩm cần áp dụng đối với bị cáo.

Do bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 BLHS chuyển từ hình phạt 30 tháng tù chuyển thành 30 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm và giao cho chính quyền, gia đình giám sát cũng đủ điều kiện giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

Vì vậy cần sửa bản án số 50/2023/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ theo hướng nhận định như trên.

[4] Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị sửa bản án sơ thẩm, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với pháp luật và nhận định của HĐXX nên được chấp nhận

[5] Án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm d,e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Anh D

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số: 50/2023/HSST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ H, tỉnh Phú Thọ.

[2]. Về tội danh, Điều luật áp dụng và hình phạt.

Căn cứ khoản 1 Điều 353, điểm b,s,v khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh D phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh D 30 (Ba Mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Anh D cho UBND phường X Đ, quận B T L, thành phố Hà Nội để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Nguyễn Anh D có trách nhiệm phối hợp với UBND phường X Đ, quận B T L, thành phố Hà Nội trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Anh D.

2. Về Trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 584, 585 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Nguyễn Anh D phải bồi thường số tiền 79.760.000 đồng (Bảy mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) cho Trung tâm khoa học lâm nghiệp vùng trung tâm B. Xác nhận bị cáo đã nộp số tiền trên.

(Số tiền 79.760.000 đồng đã được cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đ H bàn giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ H theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/6/2023).

[3] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Anh D không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND huyện Đ H;
- VKSND huyện Đ H;
- Công an huyện Đ H;
- Chi cục THADS huyện Đ H;
- Bị cáo;
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Tiến Dũng

